

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VẬN TẢI
NGOẠI THƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2011	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011	
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty và Công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương được thành lập theo Quyết định số 1685/2002/QĐ/BTM, ngày 30 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Thương mại; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103002086, ngày 07 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 4 năm 2011.

Trụ sở chính được đặt tại Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty có mở Chi nhánh Hải Phòng tại Số 115 Đường bao Trần Hưng Đạo, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.720.000.000 đồng.

Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có đầu tư vào một công ty con, Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; bốc xếp, giao nhận, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá nội địa và quá cảnh;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hoá;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Đường Thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống.
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển: xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển.
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Môi giới hàng hải;
- Đại lý tàu biển.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Khúc Văn Dự	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Ngọc Loan	Thành viên
Ông Đỗ Xuân Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giang	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Khúc Văn Dụ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Giang	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hải Phòng
Ông Trần Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

3. Thành viên của Ban Kiểm soát

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Nguyễn Bích Liên	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Ủy viên
Bà Dương Minh Châu	Ủy viên

4. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

6. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Tập đoàn.

7. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

KHÚC VĂN DỤ

Số: 12.153B/BCSX-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương và Công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 24 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN
Chứng chỉ KTV số 0425/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		205.205.502.465	176.652.588.068
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	78.770.128.628	66.635.352.094
1. Tiền	111		14.217.214.628	15.755.353.094
2. Các khoản tương đương tiền	112		64.552.914.000	50.879.999.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	10.000.000.000	21.300.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.000.000.000	21.300.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	101.684.129.646	75.378.403.393
1. Phải thu khách hàng	131		81.098.826.804	52.313.596.709
2. Trả trước cho người bán	132		20.213.606.433	21.786.517.184
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		371.696.409	1.278.289.500
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.751.244.191	13.338.832.581
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		30.000.000	90.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		418.259.120	193.848.071
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		79.963.100	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	14.223.021.971	13.054.984.510

(Phần tiếp theo ở trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.554.965.808	35.776.779.864
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		27.116.060.300	24.875.263.296
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	21.495.693.960	20.843.527.772
+ Nguyên giá	222		34.094.247.860	31.720.918.769
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.598.553.900)	(10.877.390.997)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	1.361.217.022	1.453.632.214
+ Nguyên giá	228		2.197.750.157	2.197.750.157
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(836.533.135)	(744.117.943)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.7)	4.259.149.318	2.578.103.310
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	8.898.380.000	10.415.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		890.000.000	890.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		9.525.000.000	9.525.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.516.620.000)	
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Tài sản dài hạn khác	270		540.525.508	486.516.568
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	(5.9)	540.525.508	486.516.568
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272			
3. Tài sản dài hạn khác	278			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		241.760.468.273	212.429.367.932

(Phần tiếp theo ở trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		158.489.567.656	125.315.847.982
I. Nợ ngắn hạn	310		158.489.567.656	125.315.847.982
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	135.207.923.370	108.418.347.100
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	1.955.850.104	1.549.166.424
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	2.294.134.709	3.888.352.900
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	9.491.834.510	8.952.103.217
6. Chi phí phải trả	316		911.451.300	276.018.133
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.13)	6.577.213.433	1.876.239.767
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.051.160.230	355.620.441
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		83.270.900.617	87.113.519.950
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.14)	83.270.900.617	87.113.519.950
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.720.000.000	54.720.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.029.300.000	1.029.300.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(415.947.510)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(250.890.215)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.563.230.144	6.586.255.970
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		500.000.000	500.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.000.000.000	2.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.14.5)	16.874.317.983	22.528.854.195
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ	500			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		241.760.468.273	212.429.367.932

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ			
+ USD		240.567,60	327.945,97
+ JPY		33.000,00	33.000,00
+ EUR		950,58	376,35
+ SGD		500,00	500,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỒ THỊ THU HIỀN

KHÚC VĂN DỤ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		251.942.918.508	189.088.599.522
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	251.942.918.508	189.088.599.522
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	239.516.590.131	175.785.638.913
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.426.328.377	13.302.960.609
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	13.834.129.226	6.526.395.961
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	5.962.423.798	2.051.197.585
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		11.506.849	
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	6.868.631.582	5.446.487.906
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.429.402.223	12.331.671.079
11. Thu nhập khác	31		18.678.496	2.631.450.626
12. Chi phí khác	32			2.621.994.714
13. Lợi nhuận khác	40		18.678.496	9.455.912
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.448.080.719	12.341.126.991
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	2.976.765.605	2.401.797.946
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.471.315.114	9.939.329.045
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61			
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		10.471.315.114	9.939.329.045
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.14.4)	1.924	1.816

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ THU HIỀN

KHÚC VĂN DỤ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.448.080.719	12.341.126.991
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.813.578.095	1.831.964.117
Các khoản dự phòng	03		1.516.620.000	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.389.642.093)	(3.092.471.662)
Chi phí lãi vay	06		11.506.849	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		10.400.143.570	11.080.619.446
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.304.568.969)	(6.487.537.367)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		25.116.660.193	27.239.668.629
Tăng giảm chi phí trả trước	12		5.991.060	18.729.473
Tiền lãi vay đã trả	13		(11.506.849)	
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.065.395.387)	(941.791.225)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.509.437.363)	(3.491.261.525)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(2.368.113.745)	27.418.427.431
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.054.375.099)	(571.988.912)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			1.967.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.389.642.093	2.578.041.695
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19.335.266.994	3.973.325.510

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(415.947.510)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.000.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.000.000.000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.266.710.000)	(7.310.760.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.682.657.510)	(7.310.760.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		11.284.495.739	24.080.992.941
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		66.635.352.094	48.472.838.474
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		850.280.795	76.663.551
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		78.770.128.628	72.630.494.966

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC**ĐỖ THỊ THU HIỀN****KHÚC VĂN DỤ**

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 1685/2002/QĐ/BTM, ngày 30 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Thương mại và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103002086, ngày 07 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 4 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty có mở Chi nhánh Hải Phòng tại Số 115 Đường bao Trần Hưng Đạo, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.720.000.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; bốc xếp, giao nhận, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá nội địa và quá cảnh;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hoá;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Đường Thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống.
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển: xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển.
- Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Môi giới hàng hải;
- Đại lý tàu biển.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con của Công ty được hợp nhất là Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành (Hanotrans) với các thông tin như sau:

1. Quyền biểu quyết của Công ty: 100%
2. Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100%
3. Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

1.4. Công ty liên doanh, liên kết không được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty liên doanh, liên kết không được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất là Công ty Cổ phần Giao Nhận, Vận Tải Vinashinlines – Vinatrans (Shintrans) với các thông tin như sau:

1. Quyền biểu quyết của Công ty: 44,5%
2. Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 44,5%
3. Địa chỉ: Số 115 Đường bao Trần Hưng Đạo, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Nguyên nhân không hợp nhất quyền lợi là do Shintrans đang trong giai đoạn tiến hành các thủ tục giải thể.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương và báo cáo tài chính công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011. Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 24 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
+ Chi phí để có quyền sử dụng đất	13 năm
+ Phần mềm quản lý	02 - 03 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.7. Quỹ lương

Quỹ lương năm 2011 đã được duyệt theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận chưa phân phối năm 2010 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 09 tháng 4 năm 2011.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi đối với hoạt động kinh doanh chính là 20% trong 10 năm kể từ năm 2003, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động khác là 25%.

- Thuế suất thuế TNDN của Công ty con là 25%.

- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.553.074.716	1.950.113.646
Tiền gửi ngân hàng	12.664.139.912	13.805.239.448
Các khoản tương đương tiền	64.552.914.000	50.879.999.000
Tổng cộng	78.770.128.628	66.635.352.094

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 - 3 tháng tại Ngân hàng.

5.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 - 9 tháng tại Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	81.098.826.804	52.313.596.709
Trả trước cho người bán	20.213.606.433	21.786.517.184
Các khoản phải thu khác	371.696.409	1.278.289.500
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	101.684.129.646	75.378.403.393
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	101.684.129.646	75.378.403.393

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	1.210.764.154	1.373.277.010
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.012.257.817	11.681.707.500
Tổng cộng	14.223.021.971	13.054.984.510

Ký quỹ ngắn hạn là các khoản ký quỹ tại các hãng hàng không và Ngân hàng để thực hiện hợp đồng đại lý hàng hóa với Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.749.745.867	1.867.958.280	23.974.440.936	1.128.773.686	31.720.918.769
Mua trong kỳ	-	-	2.225.349.091	147.980.000	2.373.329.091
Số dư cuối kỳ	4.749.745.867	1.867.958.280	26.199.790.027	1.276.753.686	34.094.247.860
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.085.051.075	619.204.773	7.327.260.111	845.875.038	10.877.390.997
Khấu hao trong kỳ	142.906.818	130.809.270	1.357.617.707	89.829.108	1.721.162.903
Số dư cuối kỳ	2.227.957.893	750.014.043	8.684.877.818	935.704.146	12.598.553.900
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	2.664.694.792	1.248.753.507	16.647.180.825	282.898.648	20.843.527.772
Tại ngày cuối kỳ	2.521.787.974	1.117.944.237	17.514.912.209	341.049.540	21.495.693.960

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.877.910.845 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.823.682.327	374.067.830	2.197.750.157
Số dư cuối kỳ	1.823.682.327	374.067.830	2.197.750.157
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	576.334.914	167.783.029	744.117.943
Khấu hao trong kỳ	54.267.948	38.147.244	92.415.192
Số dư cuối kỳ	630.602.862	205.930.273	836.533.135
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.247.347.413	206.284.801	1.453.632.214
Tại ngày cuối kỳ	1.193.079.465	168.137.557	1.361.217.022

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 100.086.630 đồng.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí khảo sát, nghiên cứu dự án xây dựng kho bãi	4.189.810.318	2.508.764.310
Chi phí tư vấn thiết kế xây dựng văn phòng	69.339.000	69.339.000
Tổng cộng	4.259.149.318	2.578.103.310

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	890.000.000	890.000.000
Đầu tư dài hạn khác	9.525.000.000	9.525.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	10.415.000.000	10.415.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.516.620.000)	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	8.898.380.000	10.415.000.000

Đầu tư vào công ty liên kết là khoản đầu tư 44,5% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Giao Nhận, Vận Tải Vinashinlines – Vinatrans (Shintrans).

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào các đơn vị sau:

	Số tiền	Tỷ lệ góp vốn
Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại (Vinalink)	6.900.000.000	5,62%
Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (Vinafreight)	2.625.000.000	3,13%
	9.525.000.000	

Ngày 16 tháng 8 năm 2010, Vinalink trả cổ tức đợt 3 bằng cổ phiếu, số lượng cổ phiếu ghi nhận tăng thêm cho Công ty là 45.540 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phần của Vinalink mà Công ty nắm giữ là 505.540 cổ phiếu.

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

Là giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Tập đoàn phân bổ 50% giá trị khi đưa công cụ, dụng cụ vào sử dụng và 50% giá trị còn lại vào năm thứ 3 tính từ lúc phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	135.207.923.370	108.418.347.100
Người mua trả tiền trước	1.955.850.104	1.549.166.424
Tổng cộng	137.163.773.474	109.967.513.524

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	31.060.233	40.573.486
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.424.897.813	2.513.527.595
Thuế thu nhập cá nhân	179.493.192	497.255.327
Các loại thuế khác	658.683.471	836.996.492
Tổng cộng	2.294.134.709	3.888.352.900

5.12. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả.

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	4.647.379	691.765
Cổ tức phải trả	5.835.382.500	1.452.832.500
Nhận tiền cược cho thuê container lạnh	468.000.000	310.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	269.183.554	112.715.502
Tổng cộng	6.577.213.433	1.876.239.767

(Phần tiếp theo ở trang 18)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: ngàn đồng								
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	54.720.000	1.029.300	-	(328.182)	3.987.631	500.000	1.000.000	18.073.429	78.982.178
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	19.635.673	19.635.673
Trích quỹ	-	-	-	-	2.598.625	-	1.000.000	(6.531.029)	(2.932.404)
Chia cổ tức 2009	-	-	-	-	-	-	-	(2.736.000)	(2.736.000)
Chia cổ tức đợt 1/2010	-	-	-	-	-	-	-	(5.575.053)	(5.575.053)
Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(338.003)	(338.003)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	77.292	-	-	-	-	77.292
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(163)	(163)
Số dư đầu năm nay	54.720.000	1.029.300	-	(250.890)	6.586.256	500.000	2.000.000	22.528.854	87.113.520
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	10.471.315	10.471.315
Trích quỹ	-	-	-	-	976.974	-	1.000.000	(4.789.138)	(2.812.164)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(415.948)	-	-	-	-	-	(415.948)
Chia cổ tức 2010	-	-	-	-	-	-	-	(5.472.000)	(5.472.000)
Chia cổ tức đợt 1/2011	-	-	-	-	-	-	-	(5.472.000)	(5.472.000)
Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(392.713)	(392.713)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	250.890	-	-	-	-	250.890
Số dư cuối kỳ	54.720.000	1.029.300	(415.948)	-	7.563.230	500.000	3.000.000	16.874.318	83.270.900

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011.
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	10,96%	6.000.000.000	10,96%
Vốn góp của các đối tượng khác	48.720.000.000	89,04%	48.720.000.000	89,04%
Tổng cộng	54.720.000.000	100%	54.720.000.000	100%

5.14.3. Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.472.000	5.472.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	5.472.000	5.472.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	28.400	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.443.600	5.472.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phần.		

5.14.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	10.471.315.114	9.939.329.045
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	5.443.600	5.472.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.924	1.816

5.14.5. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	22.528.854.195	18.073.428.329
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	10.471.315.114	9.939.329.045
Trích lập Quỹ dự trữ vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(976.974.174)	(2.598.624.790)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.204.877.152)	(2.932.403.686)
Chia cổ tức	(5.472.000.000)	(2.736.000.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1/2011	(5.472.000.000)	-
Chi khác	-	(338.002.713)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	16.874.317.983	18.407.726.185

(Phần tiếp theo ở trang 20)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011.
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất		
6.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ		
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	251.942.918.508	189.088.599.522
6.2. Giá vốn cung cấp dịch vụ		
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	15.893.948.618	11.580.514.898
Chi phí công cụ dụng cụ	146.696.734	164.702.762
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.351.225.799	1.422.954.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	217.553.756.808	159.010.410.277
Chi phí bằng tiền khác	4.570.962.172	3.607.056.280
Tổng cộng	239.516.590.131	175.785.638.913
6.3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận được chia từ Vinalink và Vinafreight	933.310.000	889.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.456.332.093	2.333.041.695
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.444.487.133	3.304.354.266
Tổng cộng	13.834.129.226	6.526.395.961
6.4. Chi phí hoạt động tài chính		
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	11.506.849	-
Dự phòng đầu tư tài chính	1.516.620.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.434.296.949	2.051.197.585
Tổng cộng	5.962.423.798	2.051.197.585
6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	3.114.142.220	2.845.702.063
Chi phí đồ dùng văn phòng	63.014.992	54.966.536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	462.352.296	409.009.421
Thuế, phí và lệ phí	80.109.240	107.217.152
Chi phí khác bằng tiền	3.149.012.834	2.029.592.734
Tổng cộng	6.868.631.582	5.446.487.906

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011.
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Thuế suất thuế TNDN 20%	Thuế suất thuế TNDN 25%	Cộng
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	8.896.257.704	4.551.823.015	13.448.080.719
Cộng các khoản điều chỉnh	(4.924.406.204)	4.924.406.204	-
Cổ tức	(933.310.000)	-	(933.310.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	3.038.541.500	9.476.229.219	12.514.770.719
Thuế suất thuế TNDN	20%	25%	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	607.708.300	2.369.057.305	2.976.765.605
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ	8.288.549.404	2.182.765.710	10.471.315.114

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và công ty con, được gọi là các bên liên quan đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	286.899.994	181.333.330
Lương Tổng Giám đốc	206.202.678	183.943.720

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

8. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- + Hà Nội
- + Hải Phòng

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Hà Nội	Hải Phòng	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu				
Từ khách hàng bên ngoài	194.551.466.175	57.391.452.333	-	251.942.918.508
Giữa các bộ phận	13.244.575.413	2.812.468.599	(16.057.044.012)	-
Tổng cộng	207.796.041.588	60.203.920.932	(16.057.044.012)	251.942.918.508
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả của bộ phận	4.029.763.574	1.527.933.221	-	5.557.696.795
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	4.029.763.574	1.527.933.221	-	5.557.696.795
Thu nhập tài chính	9.389.654.661	4.444.474.565	-	13.834.129.226
Chi phí tài chính	3.616.919.781	2.345.504.017	-	5.962.423.798
Lợi nhuận khác	18.478.496	200.000	-	18.678.496
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.230.227.212	746.538.393	-	2.976.765.605
Lợi nhuận sau thuế	7.590.749.738	2.880.565.376	-	10.471.315.114
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7.590.749.738	2.880.565.376	-	10.471.315.114

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

	Hà Nội	Hải Phòng	Loại trừ	Tổng cộng
Các thông tin khác				
Tài sản của bộ phận	170.724.035.806	104.062.875.825	(33.026.443.358)	241.760.468.273
Công ty liên kết	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất				241.760.468.273
Nợ phải trả của bộ phận	87.453.135.189	104.062.875.825	(33.026.443.358)	158.489.567.656
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất				158.489.567.656
Chi phí mua sắm tài sản	147.980.000	3.906.395.099	-	4.054.375.099
Chi phí khấu hao	325.080.830	1.488.497.265	-	1.813.578.095

(Phần tiếp theo ở trang 24)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 10 tháng 8 năm 2011.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ THU HIỀN

KHÚC VĂN DỤ